

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Thanh Sơn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Minh Thắm.**

Ông Nguyễn Văn Trọng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Thoảng**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Châu**– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phước Hòa, xã Phước T, thành phố M, tỉnh T

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã T, thành phố M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

Chị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, thành phố M. Thời gian đầu anh, chị chung sống hòa thuận rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị T cố gắng khuyên ngăn nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi, anh T thường bỏ nhà đi vài ngày trong tuần nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị T và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

- Về hôn nhân: Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 05/3/2008. Khi Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T có thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự Thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, thành phố M, tỉnh T nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T trình bày thời gian đầu hôn nhân giữa chị T và anh T hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì giữa chị T và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị T cố gắng khuyên ngăn nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi, anh T thường bỏ nhà đi vài ngày trong tuần nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Hiện chị T và anh T đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải yêu thương, chăm sóc và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hiện nay theo chị T trình bày giữa chị T và anh T không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án cho chị T được ly hôn với anh T. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặc khác, chị T và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ nên hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 05/3/2008. Khi Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Đồng thời cháu P cũng có nguyện vọng sống chung với chị T khi Tòa án giải quyết cho chị T và anh T ly hôn. Để không làm sáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của trẻ và để đáp ứng nguyện vọng của trẻ cần giao cháu P cho chị T tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chị T chưa có yêu cầu. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

-Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 05/3/2008 cho chị Hoàng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung:Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

Chị Hoàng Thị T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004757 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên xem như nộp xong án phí.

3/ Dương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP M,
- CC THADS TP M;
- UBND xã Trung An, TPM;
- Dương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sơn